BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN

MÔN ĐỊA LÍ lớp 10

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

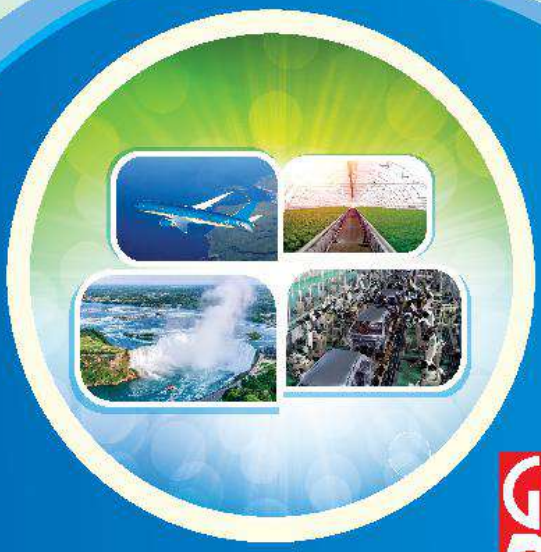

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

PHAN VĂN PHÚ – MAI PHÚ THANH
HOÀNG TRỌNG TUÂN – TRẦN QUỐC VIỆT

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
MÔN
ĐỊA LÍ 10
lớp

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Nhằm giúp giáo viên cấp Trung học phổ thông nắm rõ những nội dung cơ bản trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tổ chức thực hiện dạy học hiệu quả môn Địa lí theo sách giáo khoa mới Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã tổ chức biên soạn ***Tài liệu bồi dưỡng giáo viên môn Địa lí, lớp 10 (bộ sách Chân trời sáng tạo).***

Tài liệu được cấu trúc gồm ba phần:

Phần một. Hướng dẫn chung. Phần này giới thiệu về SGK mới với các nội dung: Quan điểm biên soạn, những điểm mới của Địa lí 10 và Chuyên đề học tập Địa lí 10; cấu trúc sách và cấu trúc bài học trong; phương pháp dạy học, tổ chức hoạt động; hướng dẫn đánh giá, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Địa lí.

Phần hai. Hướng dẫn tổ chức một số dạng bài học. Phần này chủ yếu gợi ý, hướng dẫn cho giáo viên cách tổ chức dạy một số dạng bài cơ bản trong Địa lí 10, gồm: dạng bài hình thành kiến thức mới, dạng bài thực hành và dạng bài chuyên đề.

Phần 3. Các nội dung khác. Phần này giới thiệu và hướng dẫn cho giáo viên khai thác hiệu quả các nguồn học liệu bổ trợ như sách giáo viên Địa lí 10, các nguồn học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tài liệu bồi dưỡng giáo viên Địa lí 10 (bộ sách Chân trời sáng tạo) được biên soạn dựa trên cơ sở kế thừa, phát triển những thành tựu đổi mới về phương pháp và hình thức dạy học môn Địa lí theo định hướng phát triển năng lực. Đồng thời, tài liệu cũng được biên soạn theo hướng mở nhằm giúp giáo viên có thể chủ động, linh hoạt trong tổ chức dạy học để phù hợp với năng lực của học sinh và điều kiện cụ thể của mỗi địa phương.

Tập thể tác giả rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý thầy, cô giáo và độc giả để tài liệu được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

NHÓM TÁC GIẢ

Mục lục

PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA 6

1.1. Quan điểm biên soạn sách 6

1.1.1. Bám sát Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, kế thừa bộ sách giáo khoa hiện hành và học hỏi kinh nghiệm viết sách giáo khoa ở các nước tiên tiến 6

1.1.2. Tăng tính hấp dẫn của sách giáo khoa 6

1.1.3. Chú trọng sách giáo khoa là công cụ giúp học sinh phát triển khả năng tự học 6

1.2. Những điểm mới 7

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC 8

2.1. Cấu trúc sách 8

2.1.1. Sách giáo khoa 8

2.1.2. Sách chuyên đề 10

2.2. Cấu trúc bài học 10

2.2.1. Phần Mở đầu 10

2.2.2. Phần hình thành kiến thức mới 11

2.2.3. Phần Luyện tập – Vận dụng 11

2.3. Những điểm khác biệt giữa sách giáo khoa mới với sách giáo khoa hiện hành 11

2.3.1. Về kết cấu chương và bài 13

2.3.2. Về các tiểu mục và nội dung các câu hỏi hoạt động 13

2.3.3. Về việc tổ chức các hoạt động cho học sinh trên lớp 13

2.3.4. Về hình thức sách 13

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC 14

3.1. Sách giáo khoa Địa lí 10 14

3.1.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học 14

3.1.2. Một số phương pháp dạy học cơ bản 14

3.2. Sách chuyên đề học tập Địa lí 10.....16
3.2.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học.....16
3.2.2. Một số phương pháp dạy học cơ bản.....16

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ 18
4.1. Hướng dẫn chung.....18
4.2. Hướng dẫn cụ thể về kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất.....19
4.3. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực.....19
4.3.1. Đánh giá thường xuyên.....19
4.3.2. Đánh giá định kì.....20

PHẦN 2. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI HỌC

1. DẠNG BÀI HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI, DẠNG BÀI THỰC HÀNH.....21
1.1. Căn cứ thiết kế và tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới.....21
1.2. Hướng dẫn tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới.....21
1.3 Hướng dẫn tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài thực hành.....25
2. VÍ DỤ MINH HOẠ.....25
2.1. Bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới.....18
2.2. Bài thực hành.....32
2.3. Chuyên đề học tập (Chuyên đề 1).....35

PHẦN 3. CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN.....45

2. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH, THIẾT BỊ GIÁO DỤC, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM.....45
2.1. Nguồn tài nguyên sách, thiết bị và học liệu.....46
2.2. Một số cách hướng dẫn khai thác và sử dụng học liệu.....46

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 10

1.1. Quan điểm biên soạn sách

1.1.1. Bám sát Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, kế thừa bộ sách giáo khoa hiện hành và học hỏi kinh nghiệm viết sách giáo khoa ở các nước tiên tiến.

– Nội dung sách được triển khai bám sát Chương trình Giáo dục phổ thông môn Địa lí 10 cấp Trung học phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

– Đảm bảo các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, bao gồm: năng lực chung và năng lực đặc thù.

– Kế thừa, phát triển những điểm mạnh của sách giáo khoa Địa lí 10 hiện hành, cụ thể là việc lựa chọn kiến thức căn bản ở những nội dung được đề cập trong chương trình mới, tính hệ thống tri thức của khoa học địa lí.

– Tiếp thu kinh nghiệm viết sách giáo khoa của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Chú trọng giải quyết câu hỏi: Tại sao môn Địa lí lại hấp dẫn học sinh ở các nước tiên tiến? Vai trò của sách giáo khoa Địa lí trong việc tạo nên tính hấp dẫn của bộ môn?

1.1.2. Tăng tính hấp dẫn của sách giáo khoa

Ưu tiên hàng đầu khi biên soạn sách giáo khoa Địa lí 10 là khơi gợi được hứng thú của người học qua tư liệu, cách khai thác tư liệu, ngôn ngữ sử dụng và cách diễn đạt nội dung mới, sự hài hoà giữa kênh hình và kênh chữ, giữa thiết kế và nội dung.

1.1.3. Chú trọng sách giáo khoa là công cụ giúp học sinh phát triển khả năng tự học

Quán triệt quan điểm sách giáo khoa là sách của học sinh, dùng để tự đọc, tự học và hỗ trợ cho các em học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên:

– Tăng cường sử dụng ngôn ngữ viết sách giáo khoa giàu hình ảnh, cụ thể, giản dị, khoa học và hiện đại phù hợp với lứa tuổi học sinh lớp 10.

– Nội dung và hình thức của sách chú trọng đến khả năng nhận thức và đặc điểm tâm, sinh lí của học sinh lớp 10 thông qua việc trình bày một cách có hệ thống, kết hợp nhiều kênh hình, biểu đồ, sơ đồ; nội dung các câu hỏi, các hoạt động xoay quanh các nguồn tư liệu viết, tư liệu hình ảnh, giúp học sinh biết sử dụng từ ngữ khó, câu chữ phức tạp.

– Nội dung sách được biên soạn nhằm hướng dẫn người dạy và người học thực hiện quá trình tổ chức việc dạy và học; gợi ý các phương pháp để học sinh có thể tự học, giáo

viên có thể dễ dàng hướng dẫn học sinh học tập. Chú ý đến việc phân phối bố cục và nội dung hợp lí để giáo viên có thể giảng dạy theo hướng từng tiết trong những ngày khác nhau hoặc theo hướng chuyên đề sử dụng nhiều tiết trong nhiều tuần khác nhau. Từ đó, giáo viên thiết kế bài dạy một cách mềm dẻo, linh hoạt tuỳ theo điều kiện của địa phương và đối tượng học sinh (Ví dụ, giáo viên có thể sử dụng mà không cần sự hỗ trợ của máy chiếu, phim ảnh; giáo viên có thể phân bố các bài trong một chương theo thực tế từng địa phương).

– Nhóm tác giả cũng quán triệt cách tiếp cận học qua thực hành, thực hành để học, học qua trải nghiệm, trải nghiệm để học; xem sách giáo khoa là công cụ giúp học sinh phát triển khả năng tự học.

– Tích cực vận dụng nguyên lí "Người học là trung tâm" của quá trình dạy và học, với trọng tâm là chú trọng giáo dục, hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học.

1.2. Những điểm mới

– Chú trọng đặc biệt đến quá trình tiếp cận năng lực của học sinh thông qua việc trình bày các tình huống có vấn đề và gợi mở cho học sinh phương án giải quyết bằng hệ thống các câu hỏi dẫn dắt, gợi mở. Các em có thể tự học và giáo viên có cơ sở hướng dẫn học sinh trong từng mục của mỗi bài học.

– Chú trọng kiến thức tích hợp ở cả hai cấp độ là tích hợp nội môn và tích hợp liên môn. Nội dung tích hợp sẽ nằm chính ngay trong bản chất của khoa học địa lí. Ngoài ra, nội dung sách còn chú ý tích hợp nội dung với các môn học khác như môn Ngữ văn, Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật,... Các nội dung được thể hiện trong sách ở cả các phần: Mở đầu, Hình thành kiến thức mới, Luyện tập và Vận dụng.

– Trình bày nội dung kiến thức sống động và dẫn dắt học sinh kết nối được giữa kiến thức địa lí đại cương với thực tế cuộc sống. Phát triển năng lực nhận thức song song với việc đem lại sự hứng thú và quan tâm một cách tự nhiên đối với việc học của học sinh khi sử dụng sách giáo khoa Địa lí 10.

– Nội dung kiến thức không chỉ được chuyển tải bằng kênh chữ mà bằng cả kênh hình. Kênh hình trong sách bao gồm hình ảnh, bản đồ, lược đồ, sơ đồ,... Kênh chữ là nội dung kiến thức, tư liệu chữ viết.

– Chú trọng thiết kế phục vụ cho nội dung: thiết kế không chỉ vì mục đích thẩm mĩ và tăng tính hấp dẫn mà mục tiêu chính là hướng đến yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực.

– Chú trọng xây dựng kĩ năng địa lí; năng lực tìm hiểu khoa học địa lí và vận dụng kiến thức địa lí vào cuộc sống.

– Tạo điều kiện cho học sinh có thể tự đọc, tự học bằng hệ thống câu hỏi dẫn dắt tìm hiểu nội dung chính và hệ thống câu hỏi luyện tập, vận dụng cuối bài bám sát mục tiêu bài học.

– Tư tưởng chủ đạo của bộ sách là chú trọng phát triển năng lực, đổi mới và sáng tạo, vận dụng triệt để các quan điểm: dạy học tích hợp, tích cực hoá hoạt động của học sinh. Tư tưởng này được hiện thực hoá bằng các hoạt động thực hành và trải nghiệm phong phú trong các chương, bài, tạo ra các cơ hội hình thành, phát triển các năng lực và phẩm chất.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Cấu trúc sách

2.1.1. Sách giáo khoa

Nội dung giáo dục của sách giáo khoa Địa lí 10 gồm 11 chương và 41 bài, bao gồm:

Bài mở đầu. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp

Chương 1. Sử dụng bản đồ

Bài 1. Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ

Bài 2. Phương pháp sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và trong đời sống

Bài 3. Một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống

Chương 2. Trái Đất

Bài 4. Trái Đất, thuyết kiến tạo mảng

Bài 5. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất

Chương 3. Thạch quyển

Bài 6. Thạch quyển, nội lực

Bài 7. Ngoại lực

Chương 4. Khí quyển

Bài 8. Khí quyển, sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất

Bài 9. Khí áp và gió

Bài 10. Mưa

Bài 11. Thực hành: đọc bản đồ các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất, phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu

Chương 5. Thuỷ quyển

Bài 12. Thuỷ quyển, nước trên lục địa

Bài 13. Nước biển và đại dương

Chương 6. Sinh quyển

Bài 14. Đất

Bài 15. Sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật

Bài 16. Thực hành: phân tích sự phân bố của đất và sinh vật trên Trái Đất

Chương 7. Một số quy luật của vỏ địa lí

Bài 17. Vỏ địa lí, quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí

Bài 18. Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới

Chương 8. Địa lí dân cư

Bài 19. Dân số và sự phát triển dân số thế giới

Bài 20. Cơ cấu dân số

Bài 21. Phân bố dân cư và đô thị hoá

Bài 22. Thực hành: phân tích tháp dân số, vẽ biểu đồ cơ cấu dân số theo nhóm tuổi

Chương 9. Nguồn lực phát triển kinh tế, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế

Bài 23. Nguồn lực phát triển kinh tế

Bài 24. Cơ cấu kinh tế, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế

Chương 10. Địa lí các ngành kinh tế

Bài 25. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản

Bài 26. Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản

Bài 27. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại và định hướng phát triển nông nghiệp

Bài 28. Thực hành: tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản

Bài 29. Cơ cấu, vai trò và đặc điểm công nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp

Bài 30. Địa lí các ngành công nghiệp

Bài 31. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp, tác động của công nghiệp tới môi trường và định hướng phát triển ngành công nghiệp

Bài 32. Thực hành: tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp trên thế giới

Bài 33. Cơ cấu, vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ

Bài 34. Địa lí ngành giao thông vận tải

Bài 35. Địa lí ngành bưu chính viễn thông

Bài 36. Địa lí ngành thương mại

Bài 37. Địa lí ngành du lịch và tài chính – ngân hàng

Bài 38. Thực hành: tìm hiểu vấn đề phát triển ngành du lịch

Chương 11. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh

Bài 39. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên

Bài 40. Phát triển bền vững, tăng trưởng xanh

Ngoài ra, sách giáo khoa còn có phần thuật ngữ để học sinh tra cứu các thuật ngữ địa lí then chốt của từng bài.

2.1.2. Sách chuyên đề

Sách chuyên đề học tập Địa lí 10 bao gồm 3 chuyên đề:

Chuyên đề 1. Biến đổi khí hậu

Chuyên đề 2. Đô thị hoá

Chuyên đề 3. Phương pháp viết báo cáo địa lí

Ngoài ra, sách chuyên đề còn có phần thuật ngữ để học sinh tra cứu các thuật ngữ địa lí then chốt của từng bài.

Mỗi chuyên đề của sách được cấu trúc thành một chủ đề lớn, không phân chia thành các bài học. Hoạt động học tập ở từng chuyên đề vẫn được xây dựng trên cấu trúc 3 bước như sách giáo khoa Địa lí 10, gồm: **Mở đầu, Hình thành kiến thức mới, Luyện tập và Vận dụng**. Đây là mô hình giúp học sinh khám phá, trải nghiệm thông qua thực hành để nắm vững các kiến thức và kĩ năng, hình thành các năng lực cụ thể làm cơ sở cho việc nghiên cứu khoa học, lựa chọn nghề nghiệp sau này.

2.2. Cấu trúc bài học

Theo Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT, công văn 5512 của Vụ Giáo dục Trung học với quan điểm biên soạn sách giáo khoa theo hướng tiếp cận năng lực và tích hợp, cấu trúc trong từng bài học gồm những phần sau:

2.2.1. Phần Mở đầu

Yêu cầu cần đạt: nêu ngắn gọn yêu cầu cần đạt trong bài nhằm định hướng cho người học.

Dẫn nhập mở đầu: nêu tình huống phải giải quyết khi hoàn thành bài học, gợi hứng thú học tập cho học sinh.

2.2.2. Phần hình thành kiến thức mới

Mỗi yêu cầu cần đạt được tổ chức thành một hoạt động học tập, bắt đầu bằng hệ thống câu hỏi phát triển năng lực hướng dẫn học sinh nghiên cứu các tư liệu học tập (bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ, đoạn văn bản,...). Học sinh sẽ hoạt động dưới nhiều hình thức khác nhau trong sự tổ chức của giáo viên để tạo ra các sản phẩm học tập cụ thể, trao đổi, thảo luận với nhau và giáo viên sẽ chốt lại, đánh giá các sản phẩm của học sinh.

Ngoài ra, nội dung sách còn có mục "Em có biết", chiếm từ 10 đến 15% nội dung của bài học tuỳ theo từng bài. Như vậy, qua một bài học, học sinh có rất nhiều cơ hội để tiếp xúc với thế giới bên ngoài, kết nối quá khứ với hiện tại khi được đặt trong những tình huống có thật và phải vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết các vấn đề. Cách tiếp cận này của sách hoàn toàn phù hợp với quan điểm tiếp cận năng lực đã đặt ra cho việc biên soạn sách giáo khoa của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2.3. Phần Luyện tập – Vận dụng

Phần Luyện tập: là những câu hỏi, nhiệm vụ học tập nhằm ôn luyện kiến thức, kĩ năng đã được học.

Phần Vận dụng: gồm các câu hỏi thể hiện rõ quan điểm và yêu cầu cần đạt về phát triển năng lực, vận dụng kiến thức, kĩ năng của học sinh vào việc phân tích một tình huống, giải quyết một vấn đề thực tiễn trong cuộc sống.

2.3. Những điểm khác biệt giữa sách giáo khoa mới với sách giáo khoa hiện hành

Sách giáo khoa hiện hành đã được thực hiện trong gần 20 năm (từ năm 2002), được viết theo hướng tiếp cận kiến thức nên chủ yếu hướng dẫn giáo viên thực hiện các hoạt động theo lối truyền thụ kiến thức, trong đó giáo viên đóng vai trò trung tâm, còn học sinh thụ động nghe và ghi chép.

Sách giáo khoa mới hướng tới phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh. Tư tưởng xuyên suốt của bộ sách là lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm: học tích cực, học hợp tác, học để vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Giáo viên chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn và tổ chức các hoạt động cho học sinh tiếp thu kiến thức.

Chúng ta có thể so sánh để thấy rõ sự khác biệt trong cấu trúc bài học của cuốn sách này với sách giáo khoa hiện hành như sau:

	Sách hiện hành	Sách mới
Xu hướng trình bày chủ đạo	Diễn dịch	Quy nạp
Tổ chức nhiệm vụ học tập	Học sinh được cung cấp các khái niệm trước, sau đó phân tích các ví dụ, tình huống.	Học sinh được giao nhiệm vụ tìm hiểu nội dung về sự vật, hiện tượng, tình huống làm cơ sở cho việc đi đến đúc kết các nhận định, kết luận của cá nhân để trình bày các khái niệm, các kiến thức lí thuyết.
Kênh hình	Ít hơn và có những hình chỉ là minh hoạ.	Nhiều và đa dạng hơn và các hình dùng để tổ chức hoạt động học tập nhiều hơn.
Kênh chữ	– Mở đầu là tóm tắt nội dung của bài. – Chính văn đặt trước câu hỏi. – Bài đọc thêm (dài hơn, phần riêng, không dùng để khai thác kiến thức). – Đúc kết nội dung chính.	– Mở đầu bằng gợi mở, tạo hứng thú khám phá. – Chính văn đặt sau câu hỏi, tình huống. – Mục Em có biết (ngắn, xen lẫn trong bài nhằm bổ sung thông tin, đôi khi để khai thác kiến thức). – Phần đúc kết kiến thức không đề cập vì học sinh sẽ tự rút ra, thể hiện năng lực riêng của bản thân.
Câu hỏi	Nằm ở giữa bài và cuối bài (không phân biệt luyện tập, vận dụng).	Nằm ở giữa bài và cuối bài (phân rõ luyện tập và vận dụng).

2.3.1. Về kết cấu chương và bài

Ở sách giáo khoa hiện hành không có bài mở đầu, chia thành chương, trong chương có các bài lí thuyết và thực hành.

Ở sách giáo khoa mới chia thành 11 chương với 41 bài (bao gồm Bài mở đầu), trong đó các thành phần tự nhiên, dân cư – xã hội, kinh tế đại cương không nằm cùng trong một chương mà chia ra thành nhiều chương, mỗi chương là một thành phần tự nhiên, dân cư – xã hội, kinh tế khác nhau. Việc phân chia nội dung sách thành các chương, bài sẽ tạo thuận lợi cho giáo viên tổ chức các hình thức dạy học,

2.3.2. Về các tiểu mục và nội dung các câu hỏi hoạt động

Ở sách giáo khoa hiện hành, trong nhiều bài, tiểu mục được viết theo dạng câu hỏi và các câu hỏi hoạt động được đặt xen kẽ giữa các tiểu mục. Ở sách giáo khoa mới, các tiểu mục bám sát nội dung chương trình và các câu hỏi hoạt động được đặt ngay ở đầu các tiểu mục.

Các câu hỏi hoạt động ở sách hiện hành chủ yếu mang tính kiểm tra kiến thức. Trong khi các câu hỏi ở sách giáo khoa mới đảm bảo sự hài hoà giữa các hoạt động kiểm tra kiến thức, rèn luyện kĩ năng với hoạt động thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống của học sinh.

2.3.3. Về việc tổ chức các hoạt động cho học sinh trên lớp

Ở sách giáo khoa hiện hành, việc tổ chức các hoạt động trên lớp chủ yếu là giáo viên sẽ trình bày và trong quá trình đó, sử dụng một số câu hỏi, tranh ảnh, bản đồ, sơ đồ minh hoạ cho bài học (giáo viên làm việc là chủ yếu). Ở sách giáo khoa mới, đòi hỏi giáo viên phải đầu tư nhiều công sức, suy nghĩ, chuẩn bị đồ dùng cho tiết dạy trên lớp. Trong tiết dạy, giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, áp dụng nhiều hình thức dạy học, sử dụng nhiều kĩ thuật khác nhau. Ví dụ: ở hoạt động khởi động, giáo viên có thể tổ chức các trò chơi (ai là triệu phú, giải ô chữ, chuyển phát nhanh, dừng xe bus, Taboo (từ cấm), trò chơi Bingo,…); ở hoạt động hình thành kiến thức mới, giáo viên sử dụng các kĩ thuật khăn trải bàn, động não, thảo luận nhóm, mô tả và ghi chép, sân khấu hoá, sơ đồ hoá,…); ở hoạt động luyện tập và vận dụng, giáo viên có thể tổ chức trò chơi sơ đồ tư duy, ai nhanh hơn; kim tự tháp 3 – 2 – 1 (phần đáy yêu cầu ghi ra 3 điều các em học được qua bài học; phần giữa ghi ra 2 điều mà các em muốn tìm hiểu thêm và phần đỉnh chóp ghi 1 câu hỏi mà các em còn băn khoăn hoặc 1 điều em học được từ bài học này để ứng dụng vào cuộc sống),…

2.3.4. Về hình thức sách

Ở sách giáo khoa hiện hành, kênh chữ khá nhiều, ít sơ đồ, bản đồ, tranh ảnh. Một số bài có kiến thức hàn lâm, vượt quá hiểu biết so với độ tuổi của học sinh.

Ở sách giáo khoa mới, nội dung kiến thức được đơn giản hoá, kênh chữ ít, tăng cường các hình ảnh, tranh ảnh, sơ đồ, bản đồ. Đặc biệt, sách được in nhiều màu, bìa cứng, giấy in chất lượng, có khả năng sử dụng được nhiều năm.

Như vậy, khi sử dụng sách mới, giáo viên sẽ rất thuận lợi trong việc triển khai, tổ chức các hoạt động học tập nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Sách giáo khoa Địa lí 10

3.1.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học

Xu hướng chủ đạo về phương pháp dạy học trong sách Địa lí 10 là quy nạp. Học sinh sẽ tham gia các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập và tự khám phá dưới sự định hướng, hỗ trợ của giáo viên để tiếp nhận được kiến thức, kĩ năng cần thiết. Từ việc tự nhận thức đó, học sinh sẽ phát biểu, trình bày, thể hiện các kiến thức, kĩ năng này theo cách hiểu của mình. Nghĩa là, học sinh sẽ học được kiến thức, kĩ năng thông qua việc thực hiện các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Tập trung chú trọng một số phương pháp dạy học theo hướng:

– Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập.

– Chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học. Tạo điều kiện cho học sinh chủ động thể hiện khả năng tìm tòi, khám phá, phát huy tính tự giác, tự học.

– Tăng cường cho học sinh những hoạt động thực hành, trải nghiệm, chú trọng đến mục tiêu là học sinh biết làm gì từ những điều đã học. Học sinh phải được tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa vào khả năng của bản thân, sở thích và mối quan tâm riêng. Học sinh phải làm chủ tri thức và vận dụng được vào thực tế.

– Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác. Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác và tương tác.

– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học như bảng số liệu thống kê, bản đồ, sơ đồ, đoạn phim ngắm, phiếu học tập, phần mềm dạy học.

3.1.2. Một số phương pháp dạy học cơ bản

Khi dạy học môn Địa lí, cần sử dụng, phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau nhằm phát triển năng lực cho học sinh. Tiêu biểu như phương pháp dạy học quan sát, thảo luận theo nhóm, giải quyết vấn đề, đóng vai, bàn tay nặn bột, dạy học theo góc,... và các kĩ thuật như giao nhiệm vụ, khăn trải bàn, phòng tranh, các mảnh ghép, động não, hỏi chuyên gia, sơ đồ tư duy, tia chớp, tranh luận ủng hộ – phản đối,... Các phương pháp, kĩ thuật được tích hợp trong các hoạt động học tập gợi ý trong sách giáo khoa. Tuy nhiên, những hoạt động này chỉ mang tính tham khảo. Tuỳ theo khả năng của giáo viên, điều kiện của địa phương, đối tượng học sinh, mỗi giáo viên phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo để tổ chức học sinh tham gia học tập một cách tích cực nhằm đạt yêu cầu cần đạt một cách hiệu quả nhất, mang lại hứng thú học tập cho học sinh nhiều nhất.

Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học phổ biến với môn Địa lí đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai trong các đợt tập huấn từ năm 2013 đến nay.

3.1.2.1. Dạy học trực quan

Dạy học trực quan là cách thức mà giáo viên sử dụng những phương tiện trực quan làm công cụ hỗ trợ học sinh hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất.

Phương tiện trực quan là tất cả những phương tiện được sử dụng trong quá trình dạy học giúp chuyển biến nội dung hình thành mục tiêu dạy học.

Phương tiện trực quan sử dụng trong dạy học Địa lí gồm nhiều loại như: bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật,... Trong dạy học Địa lí, giáo viên sử dụng các phương tiện trực quan để tổ chức hoạt động học tập nhằm hình thành các biểu tượng cụ thể về sự vật, hiện tượng địa lí, hình thành khái niệm địa lí thông qua sự tri giác trực tiếp bằng các giác quan của người học. Nhờ vậy, học sinh có thể nhận diện các khái niệm, giải thích các sự vật, hiện tượng địa lí, các mối quan hệ nhân quả địa lí một cách chính xác và đầy đủ.

Lưu ý: Giáo viên chú ý sử dụng như một nguồn tri thức cho học sinh khai thác (có thể kết hợp với các phương pháp như đàm thoại gợi mở hoặc đàm thoại nêu vấn đề); giáo viên nên tận dụng hệ thống kênh hình trong sách, hướng dẫn học sinh khai thác để hình thành kiến thức mới từ đó phát triển năng lực cho học sinh.

3.1.2.2. Dạy học hợp tác

Là phương pháp dạy học, trong đó học sinh làm việc theo nhóm để cùng nghiên cứu, trao đổi tư tưởng và giải quyết vấn đề đặt ra.

Một số đặc điểm của dạy học hợp tác: có hoạt động xây dựng nhóm; có sự phụ thuộc, tương tác lẫn nhau một cách tích cực; có ràng buộc cá nhân, ràng buộc nhóm; hình thành và phát triển kĩ năng hợp tác.

Dạy học hợp tác thường được sử dụng kết hợp với các phương pháp thảo luận, tranh luận, dạy học giải quyết vấn đề,... trong đó học sinh cần cộng tác với nhau để giải quyết những nhiệm vụ học tập tổng hợp. Dạy học hợp tác có thể áp dụng để tiến hành tổ chức hoạt động nghiên cứu kiến thức mới trong dạy học trên lớp hay trong dạy học ngoại khoá hoặc tổ chức dạy học dự án.

Lưu ý: Giáo viên cần hiểu rõ bản chất của dạy học hợp tác, tránh hình thức hời hợt. Nhiệm vụ học tập giáo viên đưa ra cho học sinh phải đủ độ khó để học sinh suy nghĩ, hợp tác, thảo luận giải quyết nhiệm vụ, nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho hoạt động nhóm nhàm chán và chỉ mang tính hình thức.

3.1.2.3. Dạy học dự án

Dạy học dự án là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày.

Ba đặc điểm quan trọng nhất của dạy học dự án cần phải đảm bảo khi thực hiện là định hướng thực tiễn, định hướng vào người học và định hướng sản phẩm.

Dạy học dự án thường được tiến hành qua 3 giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thực hiện (đề xuất ý tưởng và chọn đề tài dự án, chia nhóm nhận nhiệm vụ, lập kế hoạch thực hiện), giai đoạn báo cáo dự án.

Dạy học dự án vận dụng tổng hợp các phương pháp dạy học để tổ chức, chính vì thế nó có khả năng phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực cho học sinh, cụ thể là phẩm chất trách nhiệm, trung thực, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tìm hiểu địa lí, năng lực nhận thức và tư duy địa lí, năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng địa lí vào thực tiễn.

Dạy học dự án cần rất nhiều thời gian, vì thế nên cân nhắc về số lượng các dự án học tập trong một năm học, kết hợp linh hoạt thời gian trên lớp và thời gian ngoài lớp, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông trong tổ chức cho học sinh thực hiện,... là những giải pháp hữu hiệu để khắc phục hạn chế này.

Dạy học dự án đòi hỏi nhiều sự đầu tư về cơ sở vật chất, tuy nhiên ở những điều kiện dạy học tối thiểu vẫn hoàn toàn có thể áp dụng phương pháp này bằng việc lựa chọn hình thức học sinh thể hiện sản phẩm phù hợp với điều kiện kinh tế của nhà trường, lựa chọn những nội dung gắn với thực tế địa phương,...

3.1.2.4. Dạy học thảo luận nhóm

Là phương pháp sử dụng thường xuyên nhất trong các tiết học trong nhà trường hiện nay. Giáo viên chia lớp học thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập để thực hiện đầy đủ các yêu cầu cần đạt của bài học, của chương trên cơ sở học hỏi, giao lưu, trao đổi giữa các học sinh trong nhóm vừa phát triển năng lực giao tiếp và năng lực cộng tác làm việc cho học sinh, vừa phát huy tính tích cực, tính trách nhiệm cho học sinh.

3.2. Sách Chuyên đề học tập Địa lí 10

3.2.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học

Xu hướng chủ đạo về phương pháp dạy học trong chuyên đề học tập Địa lí 10 là quy nạp. Học sinh sẽ tham gia các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập và tự khám phá dưới sự định hướng, hỗ trợ của giáo viên để tự tiếp nhận được kiến thức, kĩ năng cần thiết. Từ việc tự nhận thức đó, học sinh sẽ tự phát biểu, trình bày, thể hiện các kiến thức, kĩ năng này theo cách hiểu của mình. Nghĩa là, học sinh sẽ học được kiến thức, kĩ năng thông qua việc thực hiện và hoàn thành các hoạt động học tập.

3.2.2. Một số phương pháp dạy học cơ bản

Khi dạy học chuyên đề học tập Địa lí 10, giáo viên cần sử dụng, phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau nhằm phát triển năng lực cho học sinh. Tiêu biểu như

phương pháp dạy học quan sát, thảo luận theo nhóm, giải quyết vấn đề, đóng vai trò chơi, bàn tay nặn bột, dạy học theo góc,... và các kĩ thuật như giao nhiệm vụ, khăn trải bàn, phòng tranh, các mảnh ghép, động não, hỏi chuyên gia, sơ đồ tư duy,... Các phương pháp, kĩ thuật dạy học trên được tích hợp trong các hoạt động học tập gợi ý trong sách giáo khoa. Tuy nhiên, những hoạt động này chỉ mang tính tham khảo. Tuỳ theo khả năng của giáo viên, điều kiện của địa phương, đối tượng học sinh, mỗi giáo viên phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo để tổ chức học sinh tham gia học tập một cách tích cực nhằm đạt yêu cầu cần đạt một cách hiệu quả nhất, mang lại hứng thú học tập cho học sinh nhiều nhất.

Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học phổ biến với môn Địa lí đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai trong các đợt tập huấn từ năm 2013 đến nay.

3.2.2.1. Dạy học trực quan

3.2.2.2. Dạy học hợp tác

3.2.2.3. Dạy học dự án

3.2.2.4. Dạy học thảo luận nhóm

3.2.2.5. Dạy học dựa trên giải quyết vấn đề

Là phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, đặt ra cho học sinh các vấn đề nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết, đưa học sinh vào tình huống có vấn đề, kích thích các em tự lực, chủ động và có nhu cầu mong muốn giải quyết vấn đề.

Lưu ý: Các vấn đề, tình huống đưa ra để học sinh xử lí, giải quyết cần phù hợp với nội dung bài học, trình độ nhận thức của học sinh, đặc biệt phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho học sinh nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề. Trong quá trình giải quyết tình huống, vấn đề, giáo viên hỗ trợ học sinh:

– Xác định, nhận dạng vấn đề, tình huống, thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề, tình huống đặt ra.

– Liệt kê các phương án giải quyết, phân tích, đánh giá kết quả đối với mỗi phương án giải quyết.

– So sánh và lựa chọn phương án giải quyết tối ưu nhất.

– Thực hiện theo phương án giải quyết đã lựa chọn và rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác.

3.2.2.6. Dạy học theo góc

Là phương pháp tổ chức hoạt động học tập tạo cơ hội cho học sinh phát triển, sáng tạo, áp dụng và trải nghiệm trong một không gian lớp học được tổ chức lại thành các góc học

tập, có thể áp dụng ở hầu hết các dạng bài học và các bài tập tích hợp kiến thức nhiều môn học. Giáo viên giao nhiều nhiệm vụ với các mức độ và năng lực khác nhau theo từng nội dung học tập ở mỗi góc học tập. Học sinh thực hiện các nhiệm vụ khác nhau tại mỗi góc học tập, đáp ứng nhiều phong cách học tập khác nhau. Mỗi học sinh tự hoàn thành nhiệm vụ với sự tương tác của giáo viên và thành viên trong nhóm.

3.2.2.7. Dạy học dựa trên tranh luận

Là một phương pháp dùng trong dạy học, trong đó đề cập về một chủ đề có chứa nội dung tranh luận. Những ý kiến khác nhau và những ý kiến đối lập được đưa ra tranh luận nhằm mục đích xem xét chủ đề dưới nhiều góc độ khác nhau. Mục tiêu của tranh luận không phải là nhằm "đánh bại" ý kiến đối lập mà nhằm xem xét chủ đề dưới nhiều phương diện khác nhau.

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

4.1. Hướng dẫn chung

Trong chương trình Giáo dục phổ thông môn Địa lí cấp Trung học phổ thông năm 2018, đánh giá kết quả giáo dục trong chương trình phải bảo đảm các yêu cầu sau:

– Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Địa lí và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh.

– Căn cứ đánh giá là yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù địa lí được quy định trong Chương trình tổng thể và Chương trình môn Địa lí.

– Bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của học sinh như: làm việc với bản đồ, Atlat, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh; quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin; sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời; sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để học sinh được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

4.2. Hướng dẫn cụ thể về kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

– Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục có mục đích chung là cung cấp thông tin để ra các quyết định về dạy học và giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng của tất cả các hoạt động giáo dục.

– Quan điểm hiện đại về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh chú trọng đến đánh giá quá trình để phát hiện kịp thời sự tiến bộ của học sinh, từ đó giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy và học phù hợp. Như vậy, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh là đánh giá theo sản phẩm đầu ra nhưng sản phẩm đó không chỉ là kiến thức, kĩ năng mà chủ yếu là khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ học tập nhằm đạt tới mục tiêu, yêu cầu cần đạt nào đó.

– Các yêu cầu khi đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh:

+ Đánh giá được tích hợp vào trong quá trình dạy học, tức là xem đánh giá như là một phương pháp dạy học hiệu quả nhằm liên tục thu được những thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh.

+ Chú trọng đánh giá quá trình và sự tiến bộ của học sinh.

+ Chuyển từ đánh giá kĩ năng đơn lẻ sang đánh giá kĩ năng có tính phức hợp. Đặc biệt là khả năng thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ học tập của học sinh, khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào các tình huống trong học tập và thực tiễn.

+ Chuyển từ đánh giá một chiều (giáo viên đánh giá), sang đánh giá đa chiều (giáo viên đánh giá kết hợp với học sinh tự đánh giá, học sinh đánh giá chéo và tổ chức kiểm định, nhà trường, phụ huynh và cộng đồng đánh giá).

+ Kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số, chú trọng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập theo định hướng phẩm chất, năng lực.

4.3. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực

Hai hình thức cơ bản được sử dụng trong nhà trường phổ thông ở Việt Nam hiện nay là đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) và đánh giá định kì (đánh giá tổng kết).

4.3.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động giảng dạy môn học. Đánh giá hoạt động học tập thể hiện ở các nội dung sau:

– Đánh giá sự tích cực, hứng thú tham gia các hoạt động học tập của học sinh.

– Đánh giá học sinh có hoàn thành nhiệm vụ học tập hay không.

– Đánh giá chất lượng của sản phẩm học tập.

Thời điểm đánh giá thường xuyên được thực hiện linh hoạt trong quá trình dạy học và giáo dục, không bị giới hạn bởi số lần đánh giá. Mục đích chính là khuyến khích học sinh nỗ lực học tập, vì sự tiến bộ của người học.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên có thể là kiểm tra viết, quan sát, thực hành, đánh giá qua hồ sơ và sản phẩm học tập,…

Công cụ có thể dùng là phiếu quan sát, các thang đo, bảng kiểm, thẻ kiểm tra hoặc phiếu kiểm tra, các phiếu đánh giá tiêu chí, hồ sơ học tập, các loại câu hỏi vấn đáp,... được giáo viên tự biên soạn hoặc tham khảo từ các tài liệu hướng dẫn.

4.3.2. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục của học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện nhằm xác định mức độ mà học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Thời điểm đánh giá định kì thường được tiến hành sau khi kết thúc một giai đoạn học tập (giữa kì, cuối kì). Người thực hiện đánh giá định kì có thể là giáo viên, nhà trường hoặc tổ chức kiểm định các cấp đánh giá.

Phương pháp đánh giá định kì có thể là kiểm tra viết trên giấy hoặc trên máy tính, thực hành, hỏi – đáp, đánh giá thông qua sản phẩm học tập và hồ sơ học tập,…

Công cụ đánh giá định kì có thể là các câu hỏi, bài kiểm tra, dự án học tập, sản phẩm nghiên cứu,… Để đánh giá kết quả học tập của học sinh, cần kết hợp cả hai hình thức, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.

Với đánh giá quá trình, trước hết cần phân tích tài liệu học tập để xác định cấu trúc các hoạt động học tập, khả năng phát triển các năng lực ở mỗi bài học. Từ đó dự kiến cách đánh giá, các công cụ đánh giá thường xuyên cho cả quá trình học tập của học sinh. Với đánh giá tổng kết, căn cứ vào mục tiêu sau mỗi giai đoạn học tập nhất định, thiết kế công cụ đánh giá kết quả sau khi học sinh hoàn thành giai đoạn học tập đó.

Quan sát, hỏi, vấn đáp thường được dùng để đánh giá thái độ, phẩm chất và một số biểu hiện về năng lực của học sinh. Các dạng bài tập, bài thi phù hợp với việc đánh giá kiến thức, kĩ năng, tư duy suy luận của học sinh.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI HỌC

Trong sách giáo khoa Địa lí 10 có các dạng bài học sau: dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới và bài thực hành.

Sách Chuyên đề học tập Địa lí 10 có dạng bài chuyên đề.

1. DẠNG BÀI HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI, DẠNG BÀI THỰC HÀNH

1.1. Căn cứ thiết kế và tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới

Việc thiết kế và tổ chức các dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới trong trong sách giáo khoa Địa lí lớp 10 nên căn cứ vào những định hướng cơ bản sau đây:

– Thứ nhất, cách thức triển khai nội dung các bài học theo cấu trúc bài học của tài liệu này.

– Thứ hai, cấu trúc một kế hoạch bài dạy được hướng dẫn trong chương trình tập huấn giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ETEP) và văn bản 5512 của Vụ Giáo dục Trung học. Theo đó, mỗi kế hoạch bài dạy được triển khai thành các hoạt động cụ thể gồm: khởi động bài học; các hoạt động hình thành kiến thức, kĩ năng mới (khám phá), hoạt động luyện tập, hoạt động vận dụng.

– Thứ ba, mỗi kế hoạch bài dạy cần được thiết kế theo những định hướng cơ bản được đề cập trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 – chương trình môn Địa lí cấp Trung học phổ thông; nhấn mạnh việc tổ chức các hoạt động học tập để học sinh tự khám phá tri thức, kĩ năng góp phần hình thành các năng lực đặc thù, năng lực chung và phẩm chất; đa dạng hoá các phương pháp dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực; chú trọng khâu đánh giá trong từng hoạt động học và mỗi bài học, chủ đề.

1.2. Hướng dẫn tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới

Dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới là kiểu tổ chức nội dung và các hoạt động nhằm giúp học sinh lĩnh hội tri thức khoa học bộ môn và những kĩ năng cơ bản của bài học, làm việc với những phương pháp đặc trưng cơ bản của việc học tập, nghiên cứu địa lí, phát triển những thao tác tư duy và các phẩm chất hoạt động trí tuệ. Biện pháp tổ chức dạy học dạng bài hình thành kiến thức mới:

– Giáo viên nghiên cứu bài học: nghiên cứu cấu trúc bài học, nội dung kiến thức và kĩ năng địa lí có trong bài học, mở rộng phạm vi hiểu biết của giáo viên về nội dung kiến thức, kĩ năng có trong bài, chủ đề. Giáo viên có thể xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp dựa vào quá trình nghiên cứu các bài học mà nội dung có mối quan hệ thống nhất với nhau.

– Xác định mục tiêu, định hướng năng lực cần hình thành và phát triển ở người học.

– Mô tả các mục tiêu và các biểu hiện năng lực cần đạt được thông qua bài học hoặc chủ đề.

– Cấu trúc, sắp xếp hệ thống nội dung của bài học hoặc chủ đề, xác định dung lượng kiến thức, kĩ năng học tập và dự kiến phân bố thời gian. Khi giáo viên thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp, có thể làm thay đổi cấu trúc của các đơn vị bài học cấu thành chủ đề nhưng cần đảm bảo hệ thống hoá kiến thức và kĩ năng của các bài học thành thể thống nhất.

– Thiết kế các hoạt động học tập cụ thể (soạn kế hoạch bài dạy).

– Chuẩn bị điều kiện tổ chức dạy học: phương tiện dạy học, xác định các điều kiện tối thiểu và dự kiến các điều chỉnh, thay đổi môi trường học tập.

– Tiến hành thực hiện các hoạt động khám phá kiến thức mới cho học sinh: điều khiển hoạt động dẫn nhập, tổ chức tổ chức hướng dẫn và kiểm soát các hoạt động tìm hiểu kiến thức mới của học sinh. Vận dụng linh hoạt các phương pháp và kĩ thuật dạy học trong quá trình hỗ trợ học sinh chiếm lĩnh kiến thức mới.

– Sử dụng các biện pháp, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả chiếm lĩnh kiến thức, kĩ năng của học sinh, đồng thời đánh giá biểu hiện của các năng lực hình thành và phát triển ở học sinh.

Dưới đây trình bày gợi ý của nhóm tác giả đối với việc tổ chức dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới thông qua 4 hoạt động với những định hướng về phương pháp tiếp cận thông qua một ví dụ cụ thể:

Hoạt động	Hướng dẫn tổ chức dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới
Khởi động	– Mục tiêu của hoạt động khởi động là đặt vấn đề cho bài học, tạo tâm thế để học sinh sẵn sàng tham gia vào các hoạt động học tập cũng như định hướng mục tiêu và nội dung về kiến thức, kĩ năng trong bài học mới. – Giáo viên nên khai thác hiệu quả phần mở đầu trong mỗi bài của quyển sách này vì các tình huống trong phần này gợi sự tò mò của học sinh, lôi cuốn các em vào bài học; các tình huống này giáo viên có thể tham khảo thêm thông tin và cách thức tổ chức trong sách giáo viên. – Giáo viên cũng cần giới thiệu cho học sinh về các yêu cầu cần đạt của bài học một cách rõ ràng. Việc làm này nhằm tạo cơ sở cho việc tổ chức đánh giá trong mỗi hoạt động và khi kết thúc bài học.
Hình thành kiến thức mới (khám phá)	– Mục tiêu của các hoạt động này là hướng dẫn học sinh tìm hiểu kiến thức, kĩ năng mới của bài học, từ đó góp phần hình thành các năng lực địa lí, năng lực chung và phẩm chất. – Giáo viên nên tổ chức một số hoạt động dựa vào các yếu tố như: sự phân chia các đơn vị kiến thức trong bài, thời lượng, khả năng của học sinh,… Tuy nhiên không nên tổ chức quá nhiều hoạt động vì có thể tốn thời gian và tạo ra sự mất tập trung, thậm chí là mệt mỏi đối với học sinh.
	– Về phương pháp: vận dụng hiệu quả các phương pháp đặc thù của địa lí nhất là phương pháp hướng dẫn học sinh khai thác phương tiện trực quan; kết hợp linh hoạt các hình thức học tập cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp; sử dụng hiệu quả các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực. – Giữa các hoạt động học tập với nhau, giáo viên nên có một hoạt động kết nối ngắn gọn từ 1 – 2 phút hoặc tạo ra những "khoảng lặng" để học sinh suy ngẫm, tư duy về nội dung học tập, duy trì sự tập trung một cách liền mạch. – Về đánh giá: mỗi hoạt động cần nên có một phần đánh giá ngắn để kiểm tra mức độ tiếp thu của học sinh, có thể là một câu hỏi, một bài tập nhỏ hoặc một khảo sát nhanh,…

Luyện tập	– Mục tiêu của phần này giúp học sinh luyện tập, củng cố, thực hành những kiến thức, kĩ năng đã được cung cấp trong các hoạt động khám phá thông qua những bài tập, nhiệm vụ cụ thể. – Trong hoạt động luyện tập, giáo viên nên đề cao vai trò chủ động, tự lực của học sinh khi tổ chức hoạt động học; phát huy vai trò học tập nhóm. – Về phương pháp: nên sử dụng các phương pháp hướng nhiều đến thực hành, luyện tập.
Vận dụng	– Mục tiêu của phần này là giúp học sinh vận dụng, áp dụng kiến thức, kĩ năng đã được cung cấp, luyện tập vào những tình huống học tập mới, tương tự hoặc mở rộng. – Trong hoạt động vận dụng, giáo viên nên đề cao vai trò chủ động, tự lực của học sinh. – Về phương pháp: nên sử dụng phương pháp dạy học tình huống, dạy học giải quyết vấn đề và phương pháp hướng dẫn học sinh tự học,… – Có thể tiến hành ở cuối mỗi bài học trên lớp hoặc ngoài lớp.

1.3. Hướng dẫn tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài thực hành

Dạng bài thực hành trong chương trình địa lí phổ thông được thiết kế giúp học sinh rèn luyện, hình thành và phát triển các kĩ năng địa lí.

Bài thực hành địa lí có hai nhiệm vụ cơ bản: hình thành và rèn kĩ năng địa lí; củng cố và vận dụng kiến thức.

Quá trình thực hiện các bài thực hành được thực hiện theo hai giai đoạn nối tiếp nhau:

– Giai đoạn 1: Trang bị tri thức về kĩ năng mà học sinh mà học sinh cần được hình thành (hoặc rèn luyện) trong bài thực hành. Trong giai đoạn này thời gian thực hiện ngắn nhưng rất quan trọng, học sinh phải hiểu rõ mục đích của thực hành, tức là biết kĩ năng sẽ thực hiện là kĩ năng gì? Kĩ năng này dùng để làm gì? Có tác dụng như thế nào trong việc học tập địa lí?

– Giai đoạn 2: Giai đoạn rèn kĩ năng, tổ chức cho các thao tác thực hành, hình thành và phát triển kĩ năng

Hai giai đoạn này thực hiện kế tiếp nhau nhưng cũng có thể xem kẽ trong từng hoạt động của thực hành.

Quy trình tổ chức và gợi ý biện pháp tổ chức hoạt động rèn luyện kĩ năng.

Bước 1. Xác định mục tiêu, yêu cầu của bài thực hành	– Thuyết trình nêu rõ mục đích, yêu cầu của bài thực hành. – Phát vấn để học sinh trình bày mục đích, yêu cầu.
Bước 2. Hướng dẫn thao tác hoặc làm mẫu, giao nhiệm vụ thực hiện	– Giáo viên trực tiếp hướng dẫn, thao tác mẫu. Phát vấn yêu cầu học sinh nêu quy trình thực hiện (đối với bài đã được giao nhiệm vụ học sinh thực hiện trước). – Thao tác làm mẫu có thể có sự tham gia của học sinh để giáo viên và các bạn quan sát. – Giao nhiệm vụ làm việc cho học sinh/nhóm học sinh.
Bước 3. Học sinh thực hiện nhiệm vụ	– Học sinh thực hiện nhiệm vụ (độc lập hoặc có sự hợp tác nhóm). – Giáo viên trợ giúp học sinh (nếu cần) trong quá trình thực hiện (trả lời thắc mắc, gợi ý khi phát hiện lỗi sai,...). – Giáo viên quan sát, ghi chép thông tin vào mẫu phiếu quan sát/hồ sơ dạy học cá nhân. – Giáo viên thực hiện cá nhân + trình diễn lại thao tác trước lớp.
Bước 4. Nhận xét, đánh giá, tổng kết	– Học sinh và giáo viên nhận xét sản phẩm, kết quả thực hiện của cá nhân/nhóm học sinh. – Giáo viên tổng kết các thao tác, nhắc lại quy trình đúng và lỗi sai, nhấn mạnh các lưu ý khi thực hiện nhiệm vụ thực hành.

2. VÍ DỤ MINH HOẠ

2.1. Bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới

BÀI 29. CƠ CẤU, VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CÔNG NGHIỆP, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. VỀ KIẾN THỨC

– Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp.

– Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.

2. VỀ NĂNG LỰC

– Năng lực chung: năng lực tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, sử dụng công nghệ thông tin.

– Năng lực chuyên biệt: năng lực nhận thức khoa học địa lí, tìm hiểu địa lí, vận dụng kiến thức và kĩ năng địa lí đã học.

3. VỀ PHẨM CHẤT

Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. THIẾT BỊ: máy tính, máy chiếu,…

2. HỌC LIỆU: sách giáo khoa, bản đồ, tranh ảnh,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN)

a. Mục tiêu

Giúp học sinh xác định được nội dung bài học và có hiểu biết khái quát về ngành công nghiệp.

* Phương pháp: hỏi đáp cá nhân.

b. Nội dung

Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát không gian phòng học và cho biết các vật dụng nào là sản phẩm của ngành công nghiệp. Yêu cầu học sinh trình bày hiểu biết của mình về ngành công nghiệp.

c. Sản phẩm

Nội dung trả lời của học sinh về nhiệm vụ học tập giáo viên đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên đặt câu hỏi: Em hãy quan sát không gian phòng học và cho biết các vật dụng nào là sản phẩm của ngành công nghiệp. Hãy nêu hiểu biết của em về ngành công nghiệp.

– Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: Giáo viên gọi một số học sinh trả lời, học sinh khác nhận xét và bổ sung.

– Bước 4: Giáo viên nhận xét, trên cơ sở đó dẫn dắt học sinh vào bài học mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Hoạt động 2.1: Tìm hiểu cơ cấu, vai trò, đặc điểm ngành công nghiệp (Hoạt động cá nhân)

a. Mục tiêu

Giúp học sinh hình thành kiến thức mới về cơ cấu, vai trò, đặc điểm ngành công nghiệp.

* Phương pháp: đàm thoại gợi mở, sử dụng phương tiện trực quan (tranh ảnh, sơ đồ).

b. Nội dung

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi về: Phân loại cơ cấu ngành công nghiệp; Vai trò của ngành công nghiệp; Đặc điểm của ngành công nghiệp. Học sinh sử dụng sách giáo khoa để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của giáo viên.

c. Sản phẩm

Nội dung trả lời của học sinh và chuẩn kiến thức của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi:

+ Trình bày các cách phân loại cơ cấu ngành công nghiệp.

+ Trình bày vai trò của ngành công nghiệp.

+ Trình bày đặc điểm của ngành công nghiệp. Cho ví dụ minh hoạ về một trong các đặc điểm của ngành công nghiệp.

– Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ (có thể trao đổi với bạn bên cạnh).

– Bước 3: Học sinh trình bày và bổ sung (trao đổi đa chiều).

– Bước 4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

2.2. Hoạt động 2.2: Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp (Hoạt động theo nhóm)

a. Mục tiêu

Học sinh phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.

* Phương pháp: đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, sử dụng phương tiện trực quan, cụ thể là sơ đồ.

b. Nội dung

Giáo viên chia lớp thành các nhóm để thảo luận về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp. Các nhóm sử dụng sách giáo khoa để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của giáo viên.

c. Sản phẩm

Nội dung thảo luận của các nhóm và chuẩn kiến thức của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên chia lớp thành 3 nhóm với những nhiệm vụ học tập cụ thể:

+ Nhóm 1: phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp. Cho ví dụ.

+ Nhóm 2: phân tích ảnh hưởng của điều kiện kinh tế – xã hội đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp. Cho ví dụ.

+ Nhóm 3: phân tích ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp. Cho ví dụ.

– Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ (làm việc theo nhóm).

– Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày và bổ sung (trao đổi đa chiều).

– Bước 4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

Kiểm tra, đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức mới của học sinh sau khi tìm hiểu thông qua các hoạt động để nắm được kiến thức trọng tâm của bài.

* Phương pháp: trả lời cá nhân.

b. Nội dung

Giáo viên đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức học sinh đã tìm hiểu ở nội dung bài.

c. Sản phẩm

Nội dung trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức học sinh đã tìm hiểu:

Câu 1. Theo công dụng kinh tế của sản phẩm, sản xuất công nghiệp được chia thành

A. công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, công nghiệp sản xuất vật phẩm tiêu dùng.

B. công nghiệp khai thác tài nguyên thiên nhiên, công nghiệp sản xuất vật phẩm tiêu dùng.

C. công nghiệp hiện đại, tiểu thủ công nghiệp.

D. công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến.

Câu 2. Nhận định nào sau đây *không* thể hiện rõ vai trò của ngành công nghiệp trong lĩnh vực kinh tế?

A. Cung cấp tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế khác

B. Hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp và dịch vụ

C. Tạo nguồn hàng xuất khẩu nhằm thu ngoại tệ

D. Tạo việc làm và cải thiện đời sống cho người dân

Câu 3. Phát biểu nào sau đây *không* đúng về vai trò của ngành công nghiệp?

A. Ngành công nghiệp đóng góp giá trị vào GDP của hầu hết các nước.

B. Ngành công nghiệp tạo ra khối lượng sản phẩm rất lớn cho toàn xã hội.

C. Ngành công nghiệp góp phần khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

D. Ngành công nghiệp làm tăng khoảng cách phát triển giữa nông thôn và miền núi.

Câu 4. Quá trình sản xuất công nghiệp thường gắn liền với

A. chế biến nguyên liệu thô.

B. khai thác nguyên liệu thô.

C. sản xuất thủ công.

D. sản xuất bằng máy móc.

Câu 5. Nhận định nào dưới đây thể hiện rõ đặc điểm của ngành công nghiệp?

A. Sản xuất công nghiệp ít có sự chuyên môn hoá và hợp tác hoá.

B. Sản xuất công nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện khí hậu.

C. Sản xuất công nghiệp ứng dụng nhiều thành tựu khoa học – kĩ thuật.

D. Sản xuất công nghiệp ít có sự thay đổi về quy mô và phân bố sản xuất.

Câu 6. Sản xuất công nghiệp có đặc điểm nổi bật, khác với sản xuất nông nghiệp là

A. có tính tập trung cao độ.

B. phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

C. phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên.

D. sản xuất mang tính mùa vụ.

Câu 7. Nhân tố nào dưới đây có vai trò quyết định đối với sự phát triển và phân bố của ngành công nghiệp hiện nay?

A. Vị trí địa lí

B. Điều kiện kinh tế – xã hội

C. Điều kiện tự nhiên

D. Tài nguyên thiên nhiên

Câu 8. Nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nào sau đây *không* thuộc nhóm nhân tố về điều kiện kinh tế – xã hội?

A. Cơ sở vật chất – kĩ thuật

B. Nguồn nước và quỹ đất

C. Chính sách phát triển

D. Nguồn vốn và thị trường

– Bước 2: Học sinh trình bày và bổ sung.

– Bước 3: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

Giúp học sinh vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học vào một vấn đề cụ thể ở địa phương.

* Phương pháp: hoạt động cá nhân.

b. Nội dung

Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ: Lựa chọn và tìm hiểu một nhân tố có thể ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp tại tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương nơi em đang sống.

c. Sản phẩm

Bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh: Lựa chọn và tìm hiểu một nhân tố có thể ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp tại tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương nơi em đang sống.

– Bước 2: Giáo viên kiểm tra nhiệm vụ của học sinh trong tiết học sau.

PHỤ LỤC

1. QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ

Quá trình công nghiệp hoá là quá trình một xã hội chuyển dịch từ một nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp sang một nền kinh tế về cơ bản dựa vào sản xuất công nghiệp.

2. PHÂN BIỆT RANH GIỚI GIỮA NGÀNH CÔNG NGHIỆP VỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Ngành nông nghiệp kết hợp lao động của con người với quá trình phát triển tự nhiên của sinh vật để tạo ra sản phẩm nông nghiệp. Trong quá trình làm ra sản phẩm, sức lao động của con người chỉ làm tăng thêm sức dinh dưỡng của sản phẩm nông nghiệp chứ không làm thay đổi cơ cấu, tính chất, hình thái, công dụng của sản phẩm như trong ngành công nghiệp (Tổng Cục thống kê, 1966).

3. PHÂN LOẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Việc phân chia ngành công nghiệp thành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất (còn gọi là công nghiệp thuộc nhóm A) và công nghiệp sản xuất vật phẩm tiêu dùng (còn gọi là công nghiệp thuộc nhóm B) là để nghiên cứu các quan hệ giữa sản xuất tư liệu sản xuất và sản xuất vật phẩm tiêu dùng. Khi sắp xếp các cơ sở sản xuất công nghiệp vào nhóm ngành công nghiệp nào, phải căn cứ vào công dụng kinh tế của sản phẩm do đơn vị đó sản xuất ra. Nếu giá trị sản phẩm của cơ sở sản xuất công nghiệp sản xuất ra chủ yếu là tư liệu sản xuất thì xếp vào công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, ngược lại thì xếp vào công nghiệp sản xuất vật phẩm tiêu dùng.

Ngành công nghiệp khai thác bao gồm các cơ sở sản xuất công nghiệp chuyên khai thác những của cải vật chất có sẵn trong thiên nhiên, chưa có lao động của con người tác động vào, như công nghiệp điện lực (thuỷ điện), công nghiệp khai thác quặng kim loại, công nghiệp khai thác nhiên liệu, công nghiệp khai thác thực vật (gỗ, tre, mây, song,…),…

Ngành công nghiệp chế biến bao gồm các cơ sở sản xuất công nghiệp chuyên chế biến những sản phẩm của công nghiệp khai thác và sản phẩm của nông nghiệp.

Ngoài ra, công nghiệp chế biến còn bao gồm cả việc sửa chữa máy móc, thiết bị và vật phẩm tiêu dùng. Một số ngành công nghiệp chế biến: công nghiệp nhiệt điện, công nghiệp luyện kim, công nghiệp chế tạo thiết bị, máy móc, công nghiệp hoá chất, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến thực vật (gỗ, tre, nứa, lá, mây, song, cói,…), công nghiệp dệt – may, công nghiệp chế biến thực phẩm,…

4. ĐẶC ĐIỂM NGÀNH CÔNG NGHIỆP

– *Sản xuất công nghiệp gắn với sản xuất bằng máy móc*

Quá trình sản xuất công nghiệp thường được chia thành hai giai đoạn: (1) giai đoạn tác động vào đối tượng lao động (môi trường tự nhiên) để tạo ra nguyên liệu; (2) giai đoạn chế biến các nguyên liệu thành tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng. Cả hai giai đoạn này đều gắn liền với sản xuất bằng máy móc.

– *Sản xuất công nghiệp có sự tập trung hoá, chuyên môn hoá và hợp tác hoá*

+ Sự tập trung trong sản xuất công nghiệp thể hiện qua việc tập trung tư liệu sản xuất,

nhân công, sản phẩm,... Trên một diện tích nhất định, có thể xây dựng nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, thu hút lao động và tạo ra một khối lượng lớn sản phẩm.

+ Sự chuyên môn hoá trong sản xuất công nghiệp thể hiện ở chỗ một sản phẩm công nghiệp có thể được phân ra thành nhiều công đoạn sản xuất riêng lẻ và được giao cho những cơ sở sản xuất có nhiều năng lực nhất đảm nhận.

+ Sự hợp tác hoá trong sản xuất công nghiệp thể hiện qua sự kết hợp giữa các cơ sở sản xuất công nghiệp chuyên môn hoá để cùng chế tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh.

– Sản xuất công nghiệp có sự thay đổi nhanh về quy mô, phân bố sản xuất

Quy mô và sự phân bố của các cơ sở sản xuất công nghiệp mang tính linh hoạt, do hoạt động sản xuất công nghiệp ít phụ thuộc vào môi trường tự nhiên như sản xuất nông nghiệp.

– Nhiều thành tựu khoa học – công nghệ được ứng dụng vào sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp gắn với máy móc, thiết bị nên nhiều thành tựu khoa học – công nghệ được ứng dụng vào sản xuất công nghiệp.

– Sản xuất công nghiệp ngày càng gắn với bảo vệ môi trường

Hoạt động sản xuất công nghiệp có quan hệ chặt chẽ với môi trường tự nhiên.

Điều này thể hiện qua nguồn nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất công nghiệp thường lấy từ môi trường tự nhiên; quá trình sản xuất công nghiệp đưa vào môi trường tự nhiên các chất thải. Do vậy, trong xu hướng phát triển ngành công nghiệp hiện đại, quá trình sản xuất công nghiệp ngày càng gắn với bảo vệ môi trường.

2.2. Bài thực hành

BÀI 28. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH NÔNG NGHỆP, LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. VỀ KIẾN THỨC

Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.

2. VỀ NĂNG LỰC

– Năng lực chung: phát triển các năng lực giải quyết vấn đề thông qua việc thực hành tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản; phát triển các năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua làm việc nhóm.

– Năng lực chuyên biệt: nhận thức khoa học địa lí trong xác định và lí giải được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi; tìm kiếm, chọn lọc thông tin từ các tài liệu phù hợp

với nội dung thực hành; đọc được bản đồ để khai thác thông tin và thực hiện một số tính toán đơn giản.

3. VỀ PHẨM CHẤT

Chăm chỉ học tập và lĩnh hội kiến thức về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. THIẾT BỊ: máy tính, máy chiếu,…

2. HỌC LIỆU: sách giáo khoa, phiếu học tập, bảng số liệu,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

Tạo tình huống học tập, kết nối kiến thức học sinh đã có về thực hành tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.

b. Nội dung

Học sinh dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi:

– Hãy kể tên một số cây trồng và vật nuôi chính trên thế giới.

– Hãy kể tên các dạng biểu đồ mà em đã được học.

c. Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

– Phương án 1: Giáo viên có thể sử dụng kĩ thuật tia chớp để tổ chức trò chơi dẫn dắt bài học.

– Phương án 2: Giáo viên có thể sử dụng kĩ thuật KWLH như sau:

+ Bước 1: Giáo viên yêu cầu các nhóm học sinh điền vào các cột K và cột W trong bảng.

K (đã biết)	W (muốn biết)	L (học được)	H (cách học)
?	?	?	?

+ Bước 2: Học sinh thảo luận và hoàn thành cột K và W, có thể dự kiến câu trả lời cho cột L.

+ Bước 3: Học sinh trao đổi và hoàn thành bảng.

+ Bước 4: Các nhóm trình bày, góp ý, bổ sung. Giáo viên dẫn dắt vào bài mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Hoạt động 2.1: Đọc bản đồ phân bố ngành nông nghiệp thế giới

a. Mục tiêu

Đọc được bản đồ phân bố ngành nông nghiệp thế giới.

b. Nội dung

Học sinh dựa vào hình 26.1, hình 26.2 và những hiểu biết của bản thân để để hoàn thành bảng sau:

Phân bố	Cây trồng chính		Vật nuôi chính	
	Lúa mì	Lúa gạo	Bò	Lợn
	?	?	?	?

c. Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ ở mục b (có thể thực hiện theo hình thức cá nhân, cặp hoặc nhóm).

– Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: Giáo viên mời một số học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: Giáo viên nhận xét và tổng kết nội dung.

2.2. Hoạt động 2.2: Vẽ biểu đồ

a. Mục tiêu

Phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.

b. Nội dung

Học sinh dựa vào bảng 28.2 để thực hiện các nhiệm vụ sau:

– Vẽ biểu đồ thể hiện quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản phân theo châu lục, năm 2000 và 2019.

– Nhận xét sự thay đổi tỉ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản phân theo châu lục, năm 2000 và 2019.

c. Sản phẩm

– Biểu đồ thể hiện quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản phân theo châu lục, năm 2000 và 2019.

– Nhận xét và giải thích của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ ở mục b (có thể thực hiện theo hình thức cá nhân, cặp hoặc nhóm).

– Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: Giáo viên mời một số học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: Giáo viên nhận xét và tổng kết nội dung.

2.3. Chuyên đề học tập (Chuyên đề 1)

CHUYÊN ĐỀ 1. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Thời gian thực hiện: 10 tiết

I. MỤC TIÊU

1. VỀ KIẾN THỨC

– Khái niệm, các biểu hiện và nguyên nhân của biến đổi khí hậu.

– Các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu.

– Tầm quan trọng và sự cấp bách của ứng phó với biến đổi khí hậu.

– Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. VỀ NĂNG LỰC

– Trình bày được khái niệm, các biểu hiện của biến đổi khí hậu.

– Giải thích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu.

– Phân tích được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu.

– Giải thích được tầm quan trọng và sự cấp bách của ứng phó với biến đổi khí hậu.

– Hệ thống hoá được các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. VỀ PHẨM CHẤT

– Tự giác tham gia và đóng góp tích cực trong các hoạt động nhóm, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

– Chăm học, ham học, có tinh thần học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. THIẾT BỊ

– Máy vi tính, smartphone, máy chiếu, mạng internet.

– Ứng dụng: Google.

– Thiết bị dạy học khác: âm thanh.

2. HỌC LIỆU

– Học liệu số:

+ Website *biến đổi khí hậu*: https://sites.google.com/site/bdkhgnrrtt.

+ Website *thời tiết*: https://weather.com/weather.

+ Video trên youtube: https://youtu.be/k10Ir6tpCKw.

– Học liệu khác: sách giáo khoa Địa lí 10; tài liệu đọc thêm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN)

a. Mục tiêu

– Thu thập, hệ thống hoá các thông tin về biến đổi khí hậu từ các website.

– Phân tích được tình huống có vấn đề trong học tập về biến đổi khí hậu.

b. Nội dung

– Phương án 1: Sử dụng đoạn dẫn nhập của sách giáo khoa và trả lời câu hỏi định hướng.

– Phương án 2: Học sinh xem 1 đoạn video clip và trả lời câu hỏi định hướng.

c. Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh cho bộ câu hỏi định hướng.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1:

+ Giáo viên cho học sinh xem video về biến đổi khí hậu.

+ Link video: https://youtu.be/k10Ir6tpCKw.

– Bước 2: Học sinh xem video và trả lời 2 câu hỏi định hướng:

+ Nêu những biểu hiện của biến đổi khí hậu có đề cập trong video.

+ Cho biết mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và thiên tai.

– Bước 3: Học sinh trao đổi và trả lời câu hỏi theo cặp.

– Bước 4: Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh và dẫn dắt vào bài mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về khái niệm, biểu hiện của biến đổi khí hậu

2.1.1. Hoạt động 2.1.1: Tìm hiểu về khái niệm của biến đổi khí hậu

a. Mục tiêu

– Trình bày được khái niệm của biến đổi khí hậu.

– Khai thác các biểu đồ, hình ảnh, bảng số liệu thống kê có liên quan đến biến đổi khí hậu.

– Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu.

b. Nội dung

Học sinh quan sát các hình ảnh, biểu đồ để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm

Phiếu học tập trả lời câu hỏi của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1:

+ Cho các nhóm học sinh thực hiện điền vào bảng KWLH.

K	W	L	H
Em biết gì về khái niệm biến đổi khí hậu?	Em muốn biết biến đổi khí hậu qua các mốc thời gian cho đến nay như thế nào?	Em nhận xét được sự thay đổi của khí hậu Trái Đất qua các mốc thời gian từ năm 1000 cho đến nay.	Em hãy tìm mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và hiệu ứng nhà kính.

+ Yêu cầu học sinh có thể truy cập vào website *thời tiết* để thu thập thông tin và trả lời câu hỏi.

– Bước 2: Học sinh trả lời câu hỏi theo nhóm, điền các thông tin vào bảng KWLH.

– Bước 3: Giáo viên nhận xét, góp ý để các nhóm điều chỉnh.

2.1.2. Hoạt động 2.1.2: Tìm hiểu về biểu hiện của biến đổi khí hậu

a. Mục tiêu

– Trình bày được biểu hiện của biến đổi khí hậu.

– Khai thác các biểu đồ, hình ảnh, bảng số liệu thống kê có liên quan đến biến đổi khí hậu.

b. Nội dung

Học sinh làm việc theo nhóm để thực hiện các phiếu học tập về biểu hiện của biến đổi khí hậu.

c. Sản phẩm

Phiếu học tập của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Mỗi nhóm phụ trách tìm hiểu 1 nội dung và thực hiện các phiếu học tập tương ứng:

+ Nhóm 1: Phiếu học tập 1: Nhiệt độ Trái Đất tăng.

+ Nhóm 2: Phiếu học tập 2: Biến động về lượng mưa.

+ Nhóm 3: Phiếu học tập 3: Mực nước biển dâng.

+ Nhóm 4: Phiếu học tập 4: Gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan.

PHIẾU HỌC TẬP 1: NHIỆT ĐỘ TRÁI ĐẤT TĂNG

Dựa vào hình 1.2 sách Chuyên đề học tập Địa lí 10, em hãy:

1. Nhận xét sự thay đổi nhiệt độ trung bình toàn cầu qua các thập niên giai đoạn 1951 – 2020.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nguyên nhân làm thay đổi nhiệt độ trung bình toàn cầu qua các thập niên giai đoạn 1951 – 2020.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Liên hệ sự thay đổi nhiệt độ ở Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP 2: BIẾN ĐỘNG VỀ LƯỢNG MƯA

1. Em hãy cho biết lượng mưa trung bình biến đổi như thế nào trên phạm vi toàn cầu.

Quy mô: .....

Phân bố: .....

Tần suất mưa: .....

2. Chứng minh lượng mưa trung bình biến động ở các khu vực.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Liên hệ sự biến động lượng mưa ở Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP 3: MỰC NƯỚC BIỂN DÂNG

1. Hãy cho biết hiện tượng gì đang diễn ra đối với sông băng Mui La-xi-ơ (Muir Glacier)của Hoa Kỳ vào năm 2003 (hình b) so với 1976 (hình a).

.....

.....

.....

.....

.....

2. Tìm ví dụ để chứng tỏ mực nước biển dâng trên thế giới.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Tìm ví dụ để chứng tỏ mực nước biển dâng ở Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP 4: GIA TĂNG CÁC HIỆN TƯỢNG THỜI TIẾT CỰC ĐOAN

1. Em hãy cho biết thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan đang thay đổi theo hướng nào và thay đổi như thế nào.

Xu hướng:.....

Phạm vi: .....

Cường độ: .....

2. Tìm ví dụ chứng minh sự gia tăng các hiện tượng thời tiết hiện nay trên thế giới.

.....

.....

.....

.....

3. Liên hệ các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng ở Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Bước 2: Học sinh thực hiện các phiếu học tập theo yêu cầu.

– Bước 3: Đại diện nhóm học sinh báo cáo, các nhóm học sinh khác bổ sung, nêu ý kiến.

– Bước 4: Giáo viên nhận xét, góp ý để các nhóm điều chỉnh.

2.2. Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về nguyên nhân của biến đổi khí hậu

a. Mục tiêu

– Trình bày được nguyên nhân của biến đổi khí hậu.

– Khai thác các biểu đồ, hình ảnh, bảng số liệu thống kê có liên quan đến biến đổi khí hậu.

b. Nội dung

Học sinh làm việc theo nhóm để thực hiện vẽ sơ đồ tư duy về nguyên nhân của biến đổi khí hậu.

c. Sản phẩm

Sơ đồ tư duy của các nhóm học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên phân công lớp thành các nhóm. Giao cho các nhóm vẽ sơ đồ tư duy về nguyên nhân của biến đổi khí hậu. Yêu cầu sơ đồ tư duy có: ý chính ở giữa, các nhánh sơ đồ có độ dày khác nhau, từ khoá cho mỗi nhánh, sử dụng những hình ảnh minh hoạ.

– Bước 2: Các nhóm thực hiện vẽ sơ đồ tư duy về các nguyên nhân gây biến đổi khí hậu.

– Bước 3: Học sinh trưng bày sản phẩm sơ đồ của nhóm mình lên bảng.

– Bước 4: Giáo viên nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi phụ cho các nhóm, tuyên dương ghi điểm những nhóm làm tốt.

– Bước 5: Giáo viên dùng phương pháp thuyết giảng cho học sinh về những tác động của con người trong việc phát thải khí nhà kính, nguyên nhân chính gây biến đổi khí hậu hiện nay.

2.3. Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về tác động của biến đổi khí hậu

a. Mục tiêu

– Trình bày được tác động của biến đổi khí hậu.

– Khai thác các biểu đồ, hình ảnh, bảng số liệu thống kê có liên quan đến biến đổi khí hậu.

b. Nội dung

Sử dụng kĩ thuật "Tranh luận". Học sinh làm việc theo 2 nhóm để tranh luận về tác động của biến đổi khí hậu đối với tự nhiên và kinh tế - xã hội.

c. Sản phẩm

Nội dung tranh luận đúng của các nhóm học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên phân công lớp thành 2 nhóm lớn. Giao cho các nhóm tìm các minh chứng để cho thấy tác động của biến đổi khí hậu đối với vấn đề nhóm mình tìm hiểu.

+ Nhóm 1: Tác động của biến đổi khí hậu đối với tự nhiên.

+ Nhóm 2: Tác động của biến đổi khí hậu đối với kinh tế – xã hội.

– Bước 2: Các nhóm thực hiện thảo luận, tìm những minh chứng chứng minh tác động của biến đổi khí hậu đối với vấn đề nhóm mình tìm hiểu dựa vào nội dung thông tin và hình ảnh trong sách giáo khoa.

– Bước 3: Các nhóm học sinh lần lượt đưa những minh chứng nhóm vừa thảo luận để tranh luận với các bạn nhóm khác.

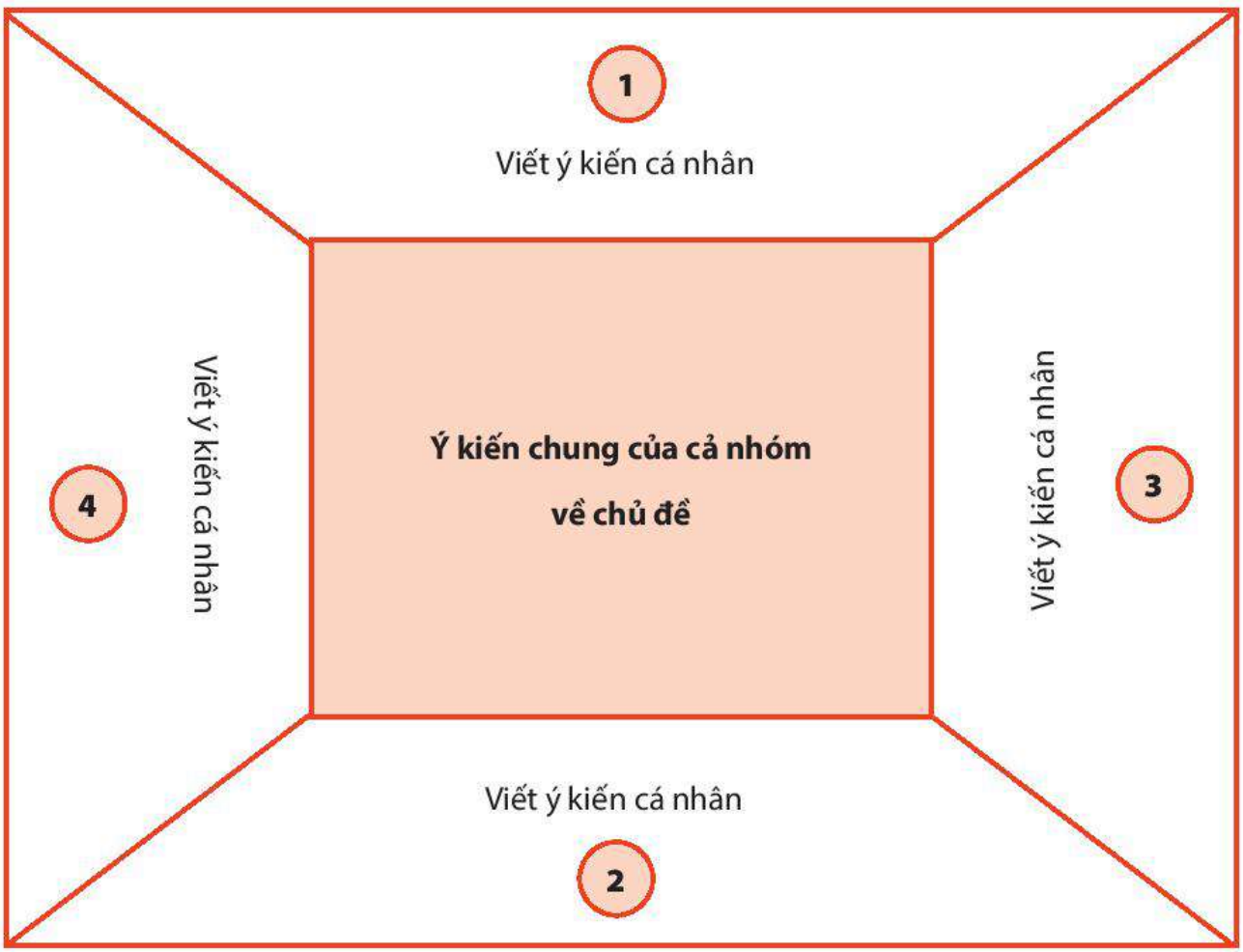

– Bước 4: Giáo viên nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi phụ cho các nhóm, tuyên dương và ghi điểm cho nhóm nào tranh luận tốt hơn và có nhiều minh chứng hơn.

2.4. Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về ứng phó với biến đổi khí hậu

a. Mục tiêu

– Giải thích được tầm quan trọng của ứng phó với biến đổi khí hậu.

– Hệ thống hoá được các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

b. Nội dung

Sử dụng kĩ thuật "Khăn trải bàn" phân công nhiệm vụ cho các nhóm học sinh thảo luận các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

c. Sản phẩm

Nội dung tranh luận đúng của các nhóm học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên phân công lớp thành nhiều nhóm: nhóm chẵn, nhóm lẻ. Quy định mỗi nhóm 4 thành viên trong nhóm. Tuỳ vào số lượng học sinh mà phân công số lượng nhóm thực hiện các nhiệm vụ được giao.

+ Nhóm lẻ: 1, 3, 5, 7, 9. Nội dung 1. Giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

+ Nhóm chẵn: 2, 4, 6, 8, 10. Nội dung 2. Thích ứng biến đổi khí hậu.

– Bước 2: Các học sinh ở các nhóm thảo luận các nội dung giảm nhẹ và thích ứng biến đổi khí hậu theo bộ câu hỏi định hướng ở sách giáo khoa.

– Bước 3: Mỗi học sinh trong nhóm làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình và thảo luận cùng nhóm. Các thành viên ngồi theo vị trí như sau:

– Bước 4: Kết thúc thảo luận, các học sinh ghi lại ý kiến chung của nhóm về nội dung câu hỏi 4 vào giấy A0.

– Bước 5: Các nhóm đại diện dán kết quả của mình lên bảng và các nhóm khác bổ sung, nhận xét.

– Bước 6: Giáo viên bổ sung, chốt các nội dung và tuyên dương những nhóm trình bày tốt. Giáo viên liên hệ mục Em có biết, đồng thời thuyết trình về mối quan hệ giữa giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

– Tìm được mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và hiệu ứng nhà kính.

– Lập sơ đồ các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

b. Nội dung

Học sinh lập sơ đồ tư duy, giáo viên sử dụng kĩ thuật "Think – Pair - Share" yêu cầu cặp đôi học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trong phần Luyện tập.

c. Sản phẩm

Nội dung trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ cho các cặp đôi học sinh lập sơ đồ tư duy về các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, thảo luận và viết câu trả lời của nhóm mình vào tờ giấy A4 trong vòng 5 phút để thấy được mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và hiệu ứng nhà kính.

– Bước 2: Các nhóm học sinh vẽ sơ đồ xong trước và viết được nhiều đáp án nhất sẽ được lên bảng trình bày kết quả thảo luận của mình dựa vào kĩ thuật "Trình bày 1 phút".

– Bước 3: Các nhóm học sinh trong lớp đặt câu hỏi cho các bạn.

– Bước 4: Giáo viên nhận xét, giải đáp, tổng kết toàn bộ buổi học.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

Liên hệ kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung

Học sinh dựa vào kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn, mở rộng khai thác thông tin từ các nguồn tham khảo.

c. Sản phẩm

Bài sưu tầm thông tin và hình ảnh của học sinh về biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Học sinh thực hiện nhiệm vụ ngoài giờ học.

– Bước 2: Học sinh tìm hiểu và chuẩn bị cho phần sưu tầm và hình ảnh của mình vào tiết học sau.

– Bước 3: Giáo viên đánh giá, nhận xét sản phẩm của học sinh vào buổi học sau.

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

Sách giáo viên Địa lí 10 và sách giáo viên Chuyên đề học tập Địa lí 10 có cấu trúc chung gồm có hai phần:

Phần 1: Giới thiệu chung

Phần 2: Hướng dẫn cách thức tổ chức các bài học theo từng chủ đề trong sách giáo khoa Địa lí 10.

Trong phần 1, các vấn đề chung được đề cập và làm rõ. Những vấn đề chung là cơ sở để nhóm tác giả đề xuất cấu trúc kế hoạch dạy học đã được phân tích, ví dụ: mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chương trình, định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá của chương trình Địa lí 10.

Vì vậy, quý thầy cô và bạn đọc hãy xem kĩ phần 1 để hiểu rõ hơn cách thức nhóm tác giả triển khai các hoạt động học tập ở phần 2.

Trong phần 2, cấu trúc bài học ở phần 1 đã được các tác giả cụ thể hoá trong từng bài theo các chủ đề. Mỗi bài sẽ được thiết kế đầy đủ các hoạt động: Khởi động, Khám phá kiến thức, Luyện tập và Vận dụng. Mỗi hoạt động có ít nhất một phương án tổ chức. Tuy nhiên, để các giáo viên có thêm nhiều lựa chọn, có những hoạt động học tập được thiết kế nhiều hơn một phương án.

2. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH, THIẾT BỊ GIÁO DỤC, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Cùng với hệ thống sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định xây dựng hệ thống nguồn tài nguyên sách và học liệu đi kèm sách giáo khoa Địa lí 10 (bộ sách Chân trời sáng tạo).

2.1. Nguồn tài nguyên sách, thiết bị và học liệu

– Vở bài tập Địa lí 10

– Vở thực hành Địa lí 10

– Kế hoạch bài dạy Địa lí 10

– Câu hỏi và bài tập phát triển năng lực Địa lí 10

– Để học tốt Địa lí 10

– Tập bản đồ – tranh ảnh Địa lí 10

– Phim minh hoạ tiết dạy tham khảo

2.2. Một số cách hướng dẫn khai thác và sử dụng học liệu

Giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh có thể tìm mua sách và tài liệu dạy học môn Địa lí tại cửa hàng sách giáo dục trên toàn quốc. Giáo viên, phụ huynh cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định xây dựng. Cách thức tải các ebook, video clip tại kho học liệu dạy học điện tử được hướng dẫn chi tiết, cụ thể và rõ ràng trên website của công ty. Các thầy, cô có thể tham khảo tài nguyên trên trang: taphuan.nxbgd.vn, hanhtrangso.nxbgd.vn, www.chantroisangtao.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập ĐINH GIA LÊ

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: VÕ ĐỨC DI LINH

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Thiết kế sách: PHẠM NGỌC KHANG

Sửa bản in: NGUYỄN TÚ LINH

Chế bản: Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MÔN ĐỊA LÍ 10
(BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)
Mã số :
Số ĐKXB :
In ... cuốn (QĐ in số ...) khổ .....cm
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20....

Chân trời sáng tạo

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

Sách không bán